

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Văn T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Bị đơn: Lê Kim L, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 04/3/2020, ông Lê Văn T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Ông T và bà L tổ chức đám cưới và chung sống từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng gần đây nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hòa. Tuy còn chung sống nhưng không còn quan tâm nhau, không phụ thuộc kinh tế. Do nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà L.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Cẩm A, sinh năm 1991, Lê Thị Cẩm B, sinh năm 1993, Lê Thị Cẩm C, sinh năm 1995 và Lê Công K, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản ý kiến ngày 06/5/2020, bà Lê Kim L là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L đồng ý ly hôn với ông T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Cẩm A, sinh năm 1991, Lê Thị Cẩm B, sinh năm 1993, Lê Thị Cẩm C, sinh năm 1995 và Lê Công K, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của ông T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Văn T và bà Lê Kim L là nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Ông T trình bày ông và bà L kết hôn và chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Xét thấy, từ khi chung sống đến nay, ông T và bà L có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay giữa ông T và bà L đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ông T yêu cầu ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L.

[4] Về nuôi con: Ông T và bà L thống nhất vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Cẩm A, sinh năm 1991, Lê Thị Cẩm B, sinh năm 1993, Lê Thị Cẩm C, sinh năm 1995 và Lê Công K, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về chia tài sản khi ly hôn: Ông T và bà L thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông T và bà L thống nhất vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn T và bà Lê Kim L là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Các con chung Lê Thị Cẩm A, sinh năm 1991; Lê Thị Cẩm B, sinh năm 1993; Lê Thị Cẩm C, sinh năm 1995 và Lê Công K, sinh năm 1998 đã trưởng thành, không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003559, ngày 29/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Phương Thảo